| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ TRẢNG BÀNG**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 13-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Kim Cơ.

Ông Nguyễn Xuân Tươi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị Hồng L, sinh năm 1995.

Cư trú tại: ấp R, xã H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1992.

Cư trú tại: ấp R, xã H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

(Chị L, anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - chị Võ Thị Hồng L trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống cùng gia đình anh T tại ấp

R, xã H, chị làm công nhân, anh T làm thợ hồ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau, có nhiều mâu thuẫn về kinh tế gia đình do kinh tế của vợ, chồng độc lập với nhau, không thể thông cảm và chia sẻ cho nhau. Giữa vợ, chồng đã nhiều lần tìm cách chung sống hạnh phúc nhưng vẫn không cải thiện được tình trạng hôn nhân căng thẳng nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị đã tự ly thân từ tháng 7-2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm đã phai nhạt, không ai có thiện chí hàn gắn. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thanh A, sinh ngày 17-10-2015 và cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 29-12-2018. Cháu A và cháu H rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A và cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Thanh T trình bày:* anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022, nguyên nhân là do tính tình của vợ chồng không phù hợp với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây gỗ nhau vì vấn đề kinh tế gia đình và đã tự ly thân từ tháng 7-2022 đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn, tiếp tục chung sống cùng nhau. Nay anh đồng ý ly hôn chị L.

Về con chung: anh và chị L có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thanh A, sinh ngày 17-10-2015 và cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 29-12-2018. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu A và cháu H cho chị L được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không nợ ai.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Võ Thị Hồng L đối với anh Nguyễn Thanh T. Chị L được ly hôn anh T.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Thanh A, sinh ngày 17-10-2015 và cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 29-12-2018 cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị L, anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: chị Võ Thị Hồng L và anh Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh T chung sống với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do giữa vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế gia đình, thường xuyên gây gỗ nhau, không còn quan tâm đến nhau và vợ chồng chị L, anh T đã tự ly thân từ tháng 7-2022 đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn. Nay chị L yêu cầu ly hôn và anh T cũng đồng ý ly hôn chị L.

Xét thấy, chị L và anh T tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do chị L và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T, cho chị L được ly hôn anh T là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Cháu Nguyễn Thanh A, sinh ngày 17-10-2015 và cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 29-12-2018 hiện đang theo sống cùng chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, cháu H và anh T cũng đồng ý. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu A cũng có nguyện vọng được theo sống cùng chị L. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu A, cháu H cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: chị L, anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: chị L, anh T trình bày không có nợ chung.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Hồng L đối với anh Nguyễn Thanh T.

Chị Võ Thị Hồng L được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thanh A, sinh ngày 17-10-2015 và cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 29-12-2018 cho chị Võ Thị Hồng L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị L, anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: chị L, anh T trình bày không có nợ chung.

5. Án phí: chị Võ Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026938 ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Chị L, anh T có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Minh Thư**